

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ - ST

Ngày 17-4-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Văn Ôn
2. Bà: Phạm Thị Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

Ngày 17/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/TLST – HNGĐ ngày 13/12/2018 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị M – SN: 1984

Trú tại: Bản N 4, xã Nà Tấu, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Bị đơn: Anh Lò Văn V – SN: 1985

Trú tại: Bản B, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

(Chị M có mặt, anh V vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2018 và lời khai trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Quàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn V kết hôn ngày 26/11/2006 có đăng ký tại UBND xã Nà Tấu, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị M và anh V kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng ly thân đến năm 2017 thì quay về tiếp tục chung sống, nhưng do anh V thường xuyên có hành vi bạo lực thân thể đối với Chị M, làm Chị M nhiều lần phải đi nhập viện, Chị M tiếp tục chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2018 đến nay. Tình cảm đối với anh V không còn, Chị M xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị M và anh V có 01 con chung là cháu Lò Ánh Thu Ng, sinh ngày 28/8/2012. Vợ chồng ly hôn Chị M xin được nuôi con cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có; tài sản chung, diện tích ruộng nương: Chị M không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn V công nhận anh và Chị M lấy nhau năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Tấu, huyện Điện Biên. Anh V thừa nhận vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh V vẫn còn tình cảm với Chị M nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như ý kiến của Chị M. Quan điểm của anh V không đồng ý để Chị M nuôi con, anh V xin được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản: Anh V nhất trí với ý kiến của Chị M, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có; tài sản chung, diện tích ruộng nương anh V không đề nghị Tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên Chị M và anh V vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 03/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228/BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

Tại phiên tòa Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện, không có ý kiến bổ sung. Anh V có đơn xin giải quyết vắng mặt trong đơn anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai và tại buổi hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Quàng Thị M, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị M xin ly hôn với anh V, anh V có hộ khẩu thường trú tại xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị M và anh V lấy nhau năm 2006 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh V kết hôn năm 2006 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nà Tấu, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị M và anh V đều thừa nhận hai bên kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Nên quan hệ hôn nhân của Chị M và anh V là hợp pháp. Chị M có đơn xin ly hôn với anh V là do anh V thường xuyên có hành vi dùng bạo lực thân thể đối với Chị M. Hai vợ chồng đã ly thân một thời gian sau đó quay lại nhưng anh V vẫn không thay đổi. Trong các tài liệu Chị M cung cấp cho Tòa án có biên bản hòa giải ngày 14/11/2015 và có văn bản xác nhận 16/01/2019 của đội trưởng đội 2, công an viên và hàng xóm nơi Chị M và anh V sinh sống về việc anh V đánh Chị M. Tại bản tự khai anh V cho rằng vẫn còn tình cảm và không đồng ý ly hôn. Việc anh V có hành vi bạo lực thân thể với Chị M là có thật, cần phải chấm dứt và bị lên án. Từ khi vợ chồng ly thân, Chị M và anh V đã không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Chị M xin ly hôn với anh V là có căn cứ cần được chấp nhận. Để đảm bảo quyền lợi cho Chị M căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị M được ly hôn với anh V. Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến không ly hôn của anh V.

[5]. Về con chung: Chị M và anh V có 01 con chung là cháu Lò Ánh Thu Nguyệt, sinh ngày 28/8/2012. Chị M có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng, anh V cũng yêu cầu nuôi con. Tuy nhiên cháu Nguyệt hiện còn nhỏ lại là con gái nên để Chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu và bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Nguyệt cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng là để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu và phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M ngoài làm ruộng còn đi làm thuê thu nhập 4.000.000đ/tháng chị có đủ điều kiện nuôi con do vậy chị tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con do vậy Hội

đồng xét xử không xem xét. Không chấp nhận ý kiến của anh V về việc giao con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Chị M và anh V không đề nghị Tòa giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, Chị M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên Chị M là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã Nà Tấu, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị M được miễn án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Quàng Thị M được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Ánh Thu Ng, sinh ngày 28/8/2012 cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyệt thành niên và có khả năng lao động. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

3.1. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có

3.2. Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị M được miễn áp phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/4/2019. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thu Hương

